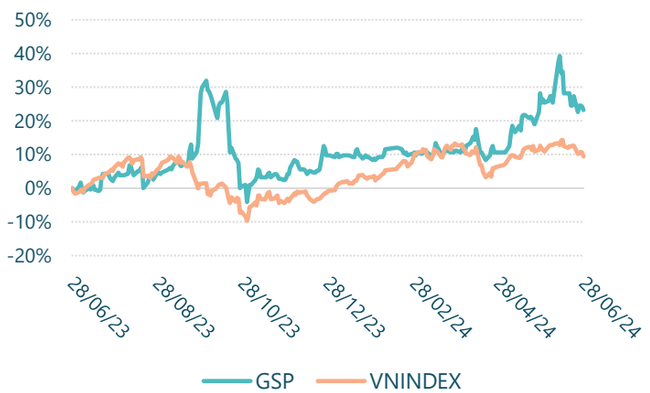
CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (HSX: GSP)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	12,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	**10.9%**	**9.5%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,455 - 13,727
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	746
Số lượng CPLH (CP)	61,379,265
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435,360
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.74
EPS	1,627
P/E	7.5

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

639

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 203 | 46.7%

YoY: ▲ 246 | 62.7%

LN gộp

Q2/24

51.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.60 | -9.8%

YoY: ▲ 2.50 | 5.1%

LN trước thuế

Q2/24

39.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.80 | 7.6%

YoY: ▲ 9.10 | 30.3%

Nợ/VCSH

Q2/24

106%

YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM)

Q2/24

13.0%

YoY: +/-▲ 1.0%

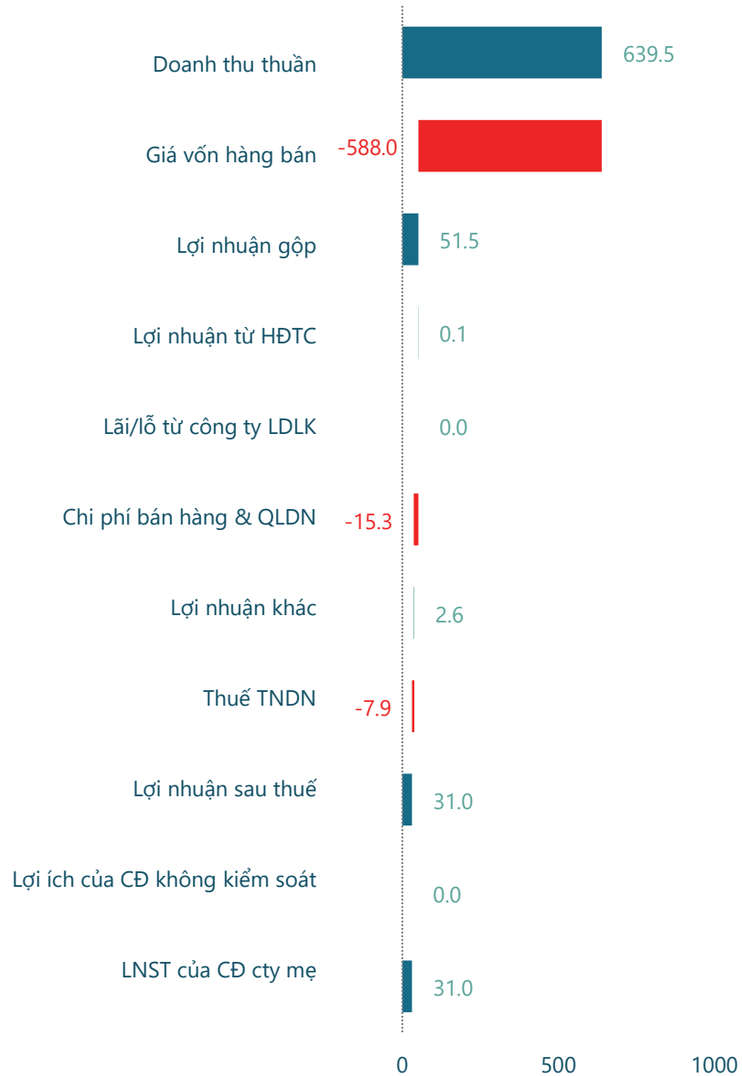
ROA (TTM)

Q2/24

6.7%

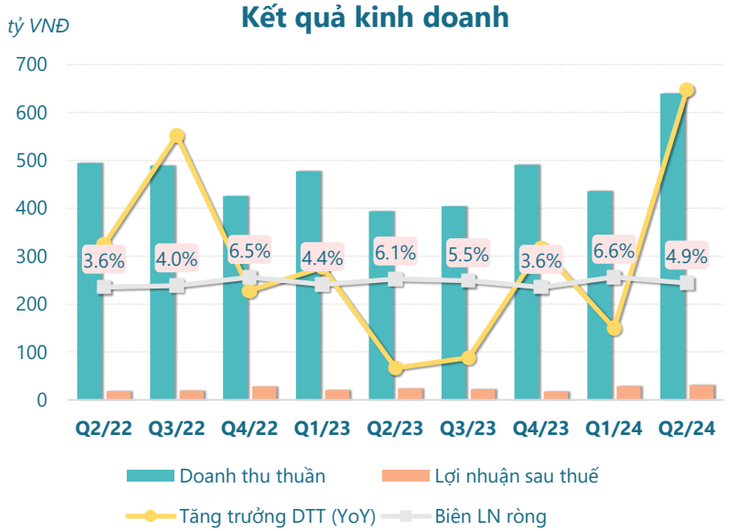
YoY: +/-▲ 0.7%

Kết quả kinh doanh Q2/24



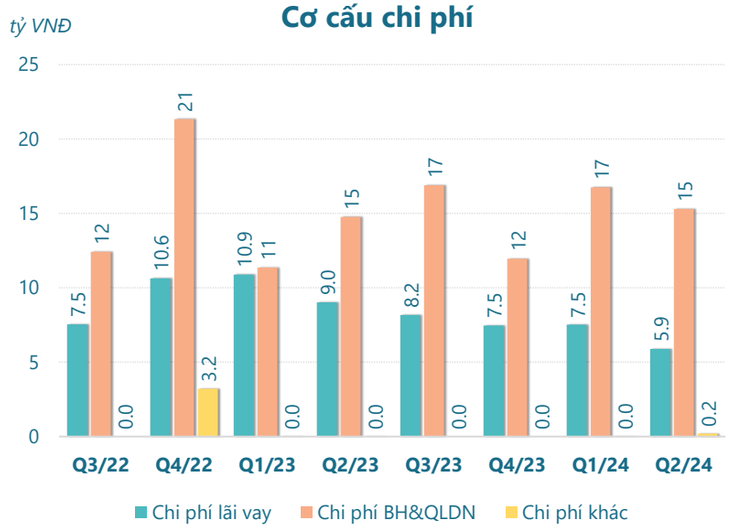
CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (HSX: GSP)

FireAnt



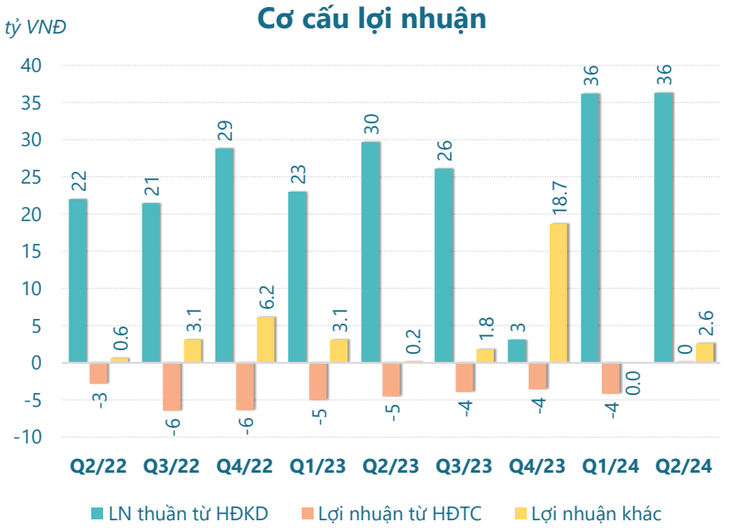
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 36.32 tỷ đồng**, tăng thêm 0.36% so với kỳ trước và cao hơn 22.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.13 tỷ đồng**, tăng thêm 4.30 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 4.64 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 2.63 tỷ đồng**, tăng thêm 2.64 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 1447% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **GSP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **639.5 tỷ đồng** tăng thêm **62.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 31.05 tỷ đồng**, **tăng trưởng 30.2%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,075 tỷ đồng** cao hơn 23.4% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 60.00 tỷ đồng** cao hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **5.90 tỷ đồng** giảm đi 21.5% so với kỳ trước và thấp hơn 34.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **15.29 tỷ đồng** giảm đi 8.77% so với kỳ trước và cao hơn 3.52% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.20 tỷ đồng** tăng thêm 1900% so với kỳ trước và tăng thêm 0.20 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (HSX: GSP)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**639**	**436**	**46.7%**	**393**	**62.7%**	**1,075**	**871**	**23.5%**
Giá vốn hàng bán	588	379	55.1%	344	70.9%	967	782	23.6%
Lợi nhuận gộp	51.5	57.1	-9.8%	49.0	5.1%	109	88.4	22.9%
Doanh thu HĐTC	8.07	5.98	34.9%	4.97	62.3%	14.0	11.9	18.4%
Chi phí TC	7.94	10.1	-21.4%	9.48	-16.3%	18.1	21.4	-15.5%
Chi phí lãi vay	5.90	7.52	-21.6%	9.01	-34.6%	13.4	19.9	-32.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.00	0.68	47.3%	0.68	47.3%	1.68	1.63	3.2%
Chi phí QLDN	**14.3**	**16.1**	**-11.2%**	**14.1**	**1.4%**	**30.4**	**24.5**	**23.9%**
LN thuần từ HĐKD	36.3	36.2	0.3%	29.7	22.3%	72.5	52.7	37.6%
Lợi nhuận khác	**2.63**	**-0.01**	**26425%**	**0.17**	**1449%**	**2.62**	**3.31**	**-20.6%**
LN trước thuế	39.0	36.2	7.6%	29.9	30.3%	75.1	56.0	34.1%
Lợi nhuận sau thuế	**31.0**	**28.8**	**7.8%**	**23.8**	**30.4%**	**59.9**	**44.8**	**33.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**31.0**	**28.8**	**7.8%**	**23.8**	**30.4%**	**59.9**	**44.8**	**33.7%**

